



fēng huǒ lián tiān

烽火连天

verb/idiom · beacons burning all over the sky; war raging everywhere

Example Sentence

Zài nà ge fēng huǒ lián tiān de nián dài rén men kě wàng hé píng
在那个烽火连天的年代，人们渴望和平。

In that era of raging wars, people longed for peace.

Trace each character, then write the word on your own.

烽	烽	烽	烽	烽	烽	烽	烽	烽	烽	烽
烽	烽	烽								
火	火	火	火	火	火	火				
连	连	连	连	连	连	连	连	连	连	连
天	天	天	天	天	天	天				